

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CHẾ TẠO MÁY SORA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CHẾ TẠO MÁY SORA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SORA MACHINE MAKE GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SORA GROUP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108407305

**3. Ngày thành lập:** 16/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Cao Trung, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912 465 286

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3312     |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>( trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4662     |
| 3.  | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2818     |
| 4.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2591     |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại: cửa, kết an toàn, máy móc, lò so, xoắn ốc, xích dẫn năng lượng, chân vịt tàu và cánh, móc cài, khóa, bản lề, nam châm, chuông, đường ray tàu hỏa) | 2599     |
| 6.  | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2813     |
| 7.  | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2821     |
| 8.  | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2593     |
| 9.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                               | 2817     |
| 10. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2811     |
| 11. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2816     |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663     |
| 13. | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2815     |
| 14. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2822     |
| 15. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2829     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321     |

|     |                                                                                                                                               |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                | 4329        |
| 18. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                         | 2824        |
| 19. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                     | 3315        |
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                                              | 2212        |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                | 4933        |
| 22. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                                | 2812        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                               | 4659        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                               | 4322        |
| 25. | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                                                                                           | 2211        |
| 26. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                        | 3319        |
| 27. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                  | 2220        |
| 28. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                          | 2825        |
| 29. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                        | 3313        |
| 30. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                        | 3311        |
| 31. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                       | 3320        |
| 32. | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                                         | 2826        |
| 33. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                  | 2814        |
| 34. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                  | 2819        |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh           | 8299        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Dịch vụ logistics                                                                      | 5229        |
| 37. | Sản xuất máy luyện kim                                                                                                                        | 2823        |
| 38. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                        | 3314        |
| 39. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                  | 2592(Chính) |
| 40. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                           | 4390        |
| 41. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                | 4330        |
| 42. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Trừ các loại Nhà nước cấm) | 4669        |

**6. Vốn điều lệ:** 25.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                                   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ TRỌNG ĐÀ | Thôn Nam Ngoại, Xã Trục Mỹ, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                                                                   | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 2.500.000.000         | 10,000    | 036086000634                                                                                |         |
|     |             |                                                                                                                                        | Tổng số           | 25.000     | 2.500.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI LỆ THỦY | Số 7H 12/93 Chính Kinh, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                 | Cổ phần phổ thông | 6.250      | 625.000.000           | 2,500     | 013475978                                                                                   |         |
|     |             |                                                                                                                                        | Tổng số           | 6.250      | 625.000.000           | 2,500     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ THỊ MINH | CH 1207 CC Golden Palace Khu Đô thị Trung Hoà Nhân Chính, Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 218.750    | 21.875.000.000        | 87,500    | 038184011546                                                                                |         |
|     |             |                                                                                                                                        | Tổng số           | 218.750    | 21.875.000.000        | 87,500    |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ TRỌNG ĐÀ**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/02/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *036086000634*

Ngày cấp: *28/08/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Nam Ngoại, Xã Trục Mỹ, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Nam Ngoại, Xã Trục Mỹ, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội